

Số: /2025/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025; số 87/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; số 43/2024/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Kết luận số 29-KL/TU ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị ngày 23 tháng 10 năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 697/TTr-SNNMT ngày 06 tháng 10 năm 2025, Công văn số 5713/SNNMT-QLĐĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định này Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2025.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 14/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc bổ sung Khoản 3 Điều 4 Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.
3. Bãi bỏ một số điều của các Quyết định sau đây:
 - a) Bãi bỏ các Điều: 3, 4, 11, 12, 13, 14, 16, 17, 18, 19, 20 Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;
 - b) Bãi bỏ các Điều: 3, 4, 5, 6, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23 của Quy định kèm theo Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 22/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ; Website Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường; Xây dựng; Tài chính; Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TTTU; TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- CV NCTH;
- Lưu: VT, NN7(PMD).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn

QUY ĐỊNH
MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI
NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết những nội dung sau:

1. Khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 98, khoản 1 Điều 99, khoản 5 Điều 109, khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

2. Điều 16, khoản 3 Điều 4, điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 17, điểm c khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 19, điểm b khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 20, khoản 3 Điều 22, khoản 2 Điều 23, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước; cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác địa chính, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Người có đất thu hồi và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi.

3. Đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Chương II
BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Mục 1

BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT, TÀI SẢN, CHI PHÍ ĐẦU TƯ VÀO ĐẤT CÒN LẠI

Điều 3. Tỷ lệ quy đổi, điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi để bồi thường cho người có đất thu hồi quy định tại khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 98, khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai (thực hiện khoản 3 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)

1. Tỷ lệ quy đổi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất để bồi thường cho người có đất thu hồi quy định tại khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 98, khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai như sau:

$$T \text{ quy đổi} = \frac{G \text{ bồi thường}}{G \text{ thu hồi}}$$

Trong đó:

T quy đổi: là tỷ lệ quy đổi.

G bồi thường: là giá đất của thửa đất để bồi thường bằng mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi theo bảng giá đất Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

G thu hồi: là giá đất của thửa đất thu hồi theo giá đất cụ thể.

Ví dụ: đất thu hồi là đất trồng cây lâu năm có giá bồi thường là 250.000 đồng/m²; phần đất bồi thường là đất ở có giá đất ở là 3.000.000,0 đồng/m². Thì tỷ lệ quy đổi là 3.000.000/250.000 đồng = 12; tức tỷ lệ 12:1 (12 mét vuông đất thu hồi đổi 1 mét vuông đất ở bồi thường).

2. Điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất để bồi thường cho người có đất thu hồi quy định tại khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 98, khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai như sau:

a) Việc bồi thường bằng việc giao đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi đảm bảo không nhỏ hơn diện tích tối thiểu được tách thửa và không vượt quá hạn mức giao đất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với loại đất có quy định hạn mức giao đất). Trường hợp diện tích đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi dự kiến giao nhỏ hơn diện tích đất tối thiểu được tách thửa (đối với loại đất có quy định hạn mức) theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì được bồi thường bằng tiền. Trường hợp diện tích đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi dự kiến giao đất lớn hơn hạn mức giao đất (đối với loại đất có quy định hạn mức) theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì được giao 01 ô đất quy hoạch, phần diện tích lớn hơn được bồi thường bằng tiền.

b) Người có đất thu hồi có nhu cầu bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi; trường hợp bồi thường đất quy đổi bằng đất ở thì người có đất thu hồi phải không có đất ở, nhà ở và có tên trong cơ sở dữ liệu về cư trú tại địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi.

c) Tại thời điểm thu hồi đất, trên địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi có quỹ đất đã giải phóng mặt bằng và đã được đầu tư hạ tầng theo quy hoạch chi tiết được duyệt (đối với đất ở) để bồi thường bằng đất có mục đích khác với loại đất thu hồi theo khoản 1 Điều này.

Điều 4. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh (thực hiện điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)

1. Đối với đất nông nghiệp: Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại được tính bằng 30% giá đất bị thu hồi theo bảng giá đất Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đối với toàn bộ diện tích đất thu hồi.

2. Đối với đất phi nông nghiệp: Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại được tính bằng giá đất trồng cây lâu năm cao nhất (trừ trường hợp đất trồng cây lâu năm trong cùng thửa đất ở) trên cùng địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi theo bảng giá đất Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đối với toàn bộ diện tích đất thu hồi.

Điều 5. Bồi thường thiệt hại đối với trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn (thực hiện điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)

1. Đối với loại đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất ở đã nộp đủ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định không có nguồn gốc từ ngân sách thì phần diện tích đất bị hạn chế khả năng sử dụng được bồi thường bằng 80% giá đất của loại đất bị hạn chế khả năng sử dụng nhân với diện tích bị hạn chế khả năng sử dụng. Giá đất được xác định theo Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Đối với đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp là đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất, mức bồi thường hạn chế khả năng sử dụng đất bằng 30% giá đất cùng loại (x) với diện tích đất bị hạn chế khả năng sử dụng. Giá đất bồi thường được quy định trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 6. Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không (thực hiện khoản 3 Điều 16 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP)

Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không phải di dời ra khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không điện áp đến 220 kv theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ thì tổ chức, cá nhân sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ do làm hạn chế khả năng sử dụng và ảnh hưởng trong sinh hoạt. Việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện 01 lần như sau:

1. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không, được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ phần diện tích trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không. Mức bồi thường, hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường về nhà ở, công trình như khi nhà nước thu hồi đất.

2. Trường hợp nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai,

mức bồi thường, hỗ trợ bằng 50% đơn giá xây dựng mới đối với nhà, công trình xây dựng.

Mục 2 **CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

Điều 7. Hỗ trợ ổn định đời sống (thực hiện khoản 2 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)

1. Mức hỗ trợ đối với hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP được tính bằng tiền tương đương với 30kg gạo tẻ (loại gạo được sử dụng thông dụng tại địa phương) trong một tháng cho mỗi một nhân khẩu. Giá gạo, theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương.

2. Thời gian hỗ trợ đối với hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP cụ thể như sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường về đất có đất thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng;

b) Hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường về đất có đất thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 04 tháng;

c) Hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường về đất có đất thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 05 tháng;

d) Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đủ điều kiện bồi thường về đất, có diện tích đất sử dụng thực tế thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng.

Điều 8. Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất (thực hiện khoản 6 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)

1. Mức hỗ trợ ổn định sản xuất theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ được tính bằng tiền với mức là 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó (trường hợp hoạt động dưới 03 năm thì tính theo bình quân thu nhập của các năm đã hoạt động). Thu nhập sau thuế được xác định theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân và pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Thời gian hỗ trợ theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ là 06 tháng.

Điều 9. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và khoản 3 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)

1. Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho các đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 109 Luật Đất đai bằng 05 (năm) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

2. Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho các đối tượng quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 109 Luật Đất đai bằng 03 (ba) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

Điều 10. Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư theo quy định tại khoản 8 Điều 111 Luật Đất đai mà có nhu cầu tự lo chỗ ở (thực hiện khoản 2 Điều 23 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư theo quy định tại khoản 8 Điều 111 Luật Đất đai mà có nhu cầu tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất bằng tiền còn được nhận tiền hỗ trợ để tự lo chỗ ở với mức hỗ trợ cụ thể như sau:

1. Tự lo chỗ ở trên địa bàn các phường 200.000.000 đồng.
2. Tự lo chỗ ở trên địa bàn các xã 180.000.000 đồng.

Điều 11. Hỗ trợ trong trường hợp hộ gia đình có nhiều thế hệ hoặc có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng 01 thửa đất ở bị thu hồi (thực hiện khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai)

1. Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ hoặc có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú thì được xem xét hỗ trợ để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho các hộ gia đình còn thiếu tại khu tái định cư. Diện tích giao đất ở cho mỗi hộ gia đình trong trường hợp này do Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định theo quy hoạch chi tiết được duyệt.

2. Trường hợp có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng 01 thửa đất ở bị thu hồi thì được xem xét hỗ trợ để giao thêm 01 thửa đất ở có thu tiền sử dụng đất tại khu tái định cư. Diện tích giao đất ở trong trường hợp này do Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định theo quy hoạch chi tiết được duyệt.

Điều 12. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở đối với người có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị; thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn trong trường hợp thu hồi đất ở (thực hiện khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai)

1. Thời gian hỗ trợ tiền thuê nhà ở cho người có đất ở thu hồi thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị là 12 tháng; mức hỗ trợ cụ thể như sau:

- a) Khu vực các phường 4.000.000 đồng cho một hộ trong một tháng;

b) Khu vực các xã 3.000.000 đồng cho một hộ trong một tháng.

2. Cơ chế thưởng đối với người có đất ở thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn như sau:

a) Người có đất ở thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn được đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại văn bản gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đến người có đất thu hồi thì được thưởng, mức thưởng bằng 2% tổng giá trị tiền được bồi thường, hỗ trợ của thửa đất (bao gồm cả tài sản gắn liền với đất) bàn giao trước thời hạn theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt nhưng không quá 50.000.000 đồng và không thấp hơn 5.000.000 đồng cho một người có đất ở thu hồi;

b) Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm thông báo rõ thời hạn bàn giao mặt bằng; mức thưởng (nếu đủ điều kiện) đến người có đất ở thu hồi; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi lập phương án thưởng trình cấp thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phê duyệt trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn bàn giao mặt bằng theo quy định;

c) Kinh phí thưởng cho người có đất ở thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn được sử dụng từ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án giải phóng mặt bằng.

Điều 13. Suất tái định cư tối thiểu (thực hiện khoản 8, khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai và điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)

1. Suất tái định cư tối thiểu quy định bằng đất ở là 60 m² đối với các phường; 80 m² đối với các xã.

2. Suất tái định cư tối thiểu bằng nhà ở: được xác định theo diện tích sàn sử dụng, tối thiểu 60 m² đối với các phường; 80 m² đối với các xã.

3. Suất tái định cư tối thiểu bằng tiền bằng với giá trị của suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở, nhà ở quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này tại nơi bố trí tái định cư.

Điều 14. Hỗ trợ người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ nhà (thực hiện khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)

1. Hỗ trợ tiền thuê nhà bằng với đơn giá thuê nhà tại nơi tái định cư, trong thời gian 06 (sáu) tháng cho trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP.

2. Trường hợp đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP có nhu cầu được giao đất ở và địa phương có quỹ đất thì được xem xét giao một suất đất theo quy hoạch, không thông qua đấu giá. Giá đất được xác định theo quy định tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

3. Trường hợp đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP có nhu cầu được giao nhà ở và địa phương có quỹ nhà thì được xem xét giao một căn nhà theo quy hoạch, không thông qua đấu giá. Giá nhà cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

4. Trường hợp đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP có nhu cầu được hỗ trợ bằng tiền để tự lo chỗ ở thì được xem xét hỗ trợ theo mức sau:

- a) Địa bàn các phường: 50.000.000 đồng;
- b) Địa bàn các xã: 40.000.000 đồng.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện các nội dung liên quan tại Quy định này; đề xuất giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Trung tâm phát triển quỹ đất Phú Thọ, Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực Vĩnh Phúc, Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực Hòa Bình, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn theo quy định của Luật Đất đai và Quy định này; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cấp thẩm quyền phê duyệt trước khi quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã được phê duyệt.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy định này được thay đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, phát sinh, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.